

NGHỊ QUYẾT**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XI)****Về phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045**

I. TÌNH HÌNH

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Kết luận số 69-KL/TU, ngày 24/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 05/8/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa IX) về phát triển huyện Đức Trọng nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025*” và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đức Trọng lần thứ XII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đức Trọng đoàn kết, nỗ lực, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, mọi mặt của đời sống xã hội.

Kinh tế tiếp tục phát triển khá, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; trong đó: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ; thu ngân sách 5 năm đạt 4.945 tỷ đồng (*đạt 121 % kế hoạch*), thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 87 triệu đồng (*tăng 1,55 lần so với đầu nhiệm kỳ*). Các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm trên địa bàn huyện từng bước triển khai và đạt những kết quả khả quan; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư; chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đạt kết quả tốt (*huyện Đức Trọng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019*); diện mạo đô thị từng bước tiệm cận các tiêu chí đô thị loại IV. Các lĩnh vực dịch vụ ngân hàng, vận tải, viễn thông, khách sạn,...phát triển mạnh về số lượng và từng bước nâng cao chất lượng. Nông nghiệp công nghệ cao phát triển mạnh mẽ; liên kết trong sản xuất, tiêu thụ và chế biến nông sản mở rộng, thu nhập bình quân đạt trên 250 triệu đồng/ha/năm (*tăng 50 triệu đồng so với đầu nhiệm kỳ*). Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên; nếp sống văn hóa, văn minh đô thị tiến bộ; các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội đảm bảo; cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 0,58%; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng cải thiện.

An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội giữ vững, ổn định; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến tích cực, bộ máy hành chính các cấp từng bước củng cố, tinh gọn, hoạt động ngày càng hiệu quả; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được tăng cường; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí thực hiện quyết liệt; hoạt động của Mặt trận, các tổ chức

chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở được đổi mới về nội dung, phương thức; xây dựng nhiều phong trào hoạt động thiết thực ở cơ sở, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế: Công tác lập, triển khai quy hoạch, nhất là quy hoạch phát triển đô thị Đức Trọng chậm; đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế. Hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, cấp, thoát nước, thu gom xử lý rác thải,...thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Chậm triển khai thực hiện một số công trình trọng điểm. Kết quả thu hút đầu tư hạn chế; chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh về lợi thế vị trí địa lý và tiềm năng đất đai. Công tác quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị, đất đai, khoáng sản, môi trường, quản lý bảo vệ rừng, tai tệ nạn xã hội, an toàn giao thông,...thực hiện chưa tốt. Các thiết chế về văn hóa, thể thao, công viên cây xanh ở cơ sở còn thiếu. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng yêu cầu; nội dung, phương thức lãnh đạo chậm đổi mới. Vai trò, trách nhiệm một số tổ chức đảng, chính quyền cấp xã trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết các vụ việc bức xúc phát sinh ở cơ sở chưa kiên quyết, kịp thời, hiệu quả chưa cao.

Những tồn tại, hạn chế trên do các nguyên nhân chủ yếu sau: Nhận thức, năng lực lãnh đạo một số cấp ủy, chính quyền còn hạn chế; chưa sâu sát, quyết liệt trong giải quyết các vấn đề phát sinh; chưa chủ động thực hiện các giải pháp đột phá, huy động các nhà đầu tư thực sự có tiềm lực, kinh nghiệm và tâm huyết đầu tư vào địa bàn nhằm khơi dậy những tiềm năng, thế mạnh địa phương trong phát triển nhanh kinh tế - xã hội; nguồn lực tài chính còn khó khăn do chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho địa phương.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng huyện Đức Trọng trở thành đô thị thông minh, đô thị sinh thái, hiện đại và là vùng kinh tế động lực phát triển của tỉnh Lâm Đồng.

- Tập trung huy động mọi nguồn lực, phát huy tối đa các lợi thế vị trí cửa ngõ thành phố Đà Lạt, khơi dậy mọi tiềm năng để phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng liên kết đa ngành từ sản xuất đến tiêu thụ. Phát triển mạnh công nghiệp, thương mại, dịch vụ, vận tải trên nền tảng áp dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển nhanh và mở rộng không gian đô thị gắn với đầu tư hạ tầng đồng bộ.

- Chú trọng bảo vệ môi trường, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát triển Đức Trọng thành trung tâm công nghiệp, thương mại, tài chính, dịch vụ,

logistics và là vùng kinh tế động lực quan trọng của tỉnh. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng Đức Trọng đến năm 2025, trở thành thị xã, đạt tiêu chí đô thị loại IV; đến năm 2030, đạt tiêu chí đô thị loại III và đến năm 2045, đạt tiêu chí đô thị loại II.

2.2. Chỉ tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 - 2025

- Phần đầu đạt và vượt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Hoàn thành quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, đảm bảo các tiêu chí xây dựng Đức Trọng trở thành thị xã, đô thị loại IV và tiệm cận đô thị loại III (*chi tiết theo phụ lục 1, 2*).

b) Giai đoạn 2025 - 2030

- Xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường khu vực nội thị và ngoại thị đạt tiêu chí đô thị III.

- Xây dựng Đức Trọng là trung tâm công nghiệp, thương mại, tài chính, dịch vụ, logistics và là vùng kinh tế động lực phát triển của tỉnh.

c) Tầm nhìn đến 2045: Đức Trọng đạt tiêu chí đô thị loại II, trở thành đô thị thông minh, sinh thái.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về quy hoạch, phát triển đô thị

- Hoàn thành quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035 đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Huy động và phát huy tối đa nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn ngoài ngân sách đầu tư hoàn thiện, phủ kín các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị để xây dựng đề án thành lập thị xã; trong đó: Quy hoạch trung tâm các xã thành thị tứ, khu dân cư đảm bảo đồng bộ, hiện đại theo hướng tiếp cận đô thị trong tương lai.

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị, chú trọng phát triển các Dự án khu đô thị Liên Khương - Prenn, Khu đô thị Nam sông Đa Nhim, Khu đô thị Đại Ninh. Đồng thời, lập chương trình phát triển đô thị Đức Trọng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2045.

- Ban hành quy chế quản lý quy hoạch đô thị để tăng cường quản lý, xác định thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng, chỉnh trang, phát triển đô thị theo hướng đô thị thông minh, đô thị sinh thái. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tập trung các nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị đối với các xã chuẩn bị lên phường và các tiêu chí xã nông thôn kiểu mẫu với các xã còn lại. Thực hiện tốt công tác công bố, niêm yết công khai các đồ án quy hoạch, đề xuất đầu tư các công trình, dự án đảm bảo theo định hướng các đồ án được phê duyệt.

- Tập trung rà soát, đánh giá các tiêu chí với đô thị loại IV, loại III và tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng đồng bộ, bao gồm: khu, cụm công nghiệp và hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, kiến trúc cảnh quan đô thị.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư xây dựng các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn huyện theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra, gồm: Trung tâm hành chính gắn với quảng trường (*diện tích 200 ha*), dự án hồ thủy lợi và cấp nước sạch Ta Hoét, Khu du lịch hồ Đại Ninh, Khu công nghiệp Phú Bình, Khu đô thị Liên Khương - Prenn, Khu đô thị Nam sông Đa Nhim hướng tới xây dựng hình thành khu đô thị hiện đại.

- Lập Đề án công nhận huyện Đức Trọng đạt tiêu chí đô thị loại IV, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Xây dựng thẩm định theo quy định, chậm nhất trong quý I năm 2023.

2. Phát triển kinh tế và nguồn lực đầu tư để đạt tiêu chí đô thị loại III và thị xã

2.1. Về phát triển kinh tế

- Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương; chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu; chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, thương mại, công nghiệp, xây dựng; đổi mới công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các dự án lớn, trọng điểm trên địa bàn huyện.

- Phát triển mạnh các loại hình thương mại, dịch vụ, du lịch; tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng một số siêu thị, hệ thống kho hàng, logistics, khách sạn, nhà hàng, văn hóa, thể thao, du lịch vui chơi, giải trí, gắn với trung tâm thương mại, mua sắm và phân phối hàng hóa. Thúc đẩy việc ứng dụng thương mại điện tử rộng rãi trong doanh nghiệp và cộng đồng. Nâng cao hiệu quả hoạt động chợ Liên Nghĩa, chợ đầu mối nông sản và các chợ nông thôn nhằm khai thác lợi thế địa phương; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình quản lý chợ và xã hội hóa đầu tư xây dựng, khai thác chợ; cải tạo, nâng cấp các chợ đô thị; phát triển hệ thống siêu thị và nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng đảm bảo an toàn thực phẩm, văn minh thương mại,... Phát triển các loại hình du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, du lịch canh nông; xây dựng các làng nghề, làng văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số (*làng văn hóa Tà Hine, làng Gà - Đa Ra Hoa...*); xây dựng các tour, tuyến du lịch dã ngoại Tà Năng - Phan Dũng, Tuyền Lâm - Làng Gà; hình thành tour, tuyến du lịch gắn với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh để thu hút khách tham quan, nghỉ dưỡng; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động du lịch. Tạo điều kiện thuận lợi để các ngân hàng, quỹ tín dụng tiếp tục phát triển đáp ứng nhu cầu giao dịch tài chính, nguồn vốn đầu tư.

- Phát triển công nghiệp theo hướng thu hút chọn lọc các nhà đầu tư có năng lực tài chính, ưu tiên phát triển chế biến nông sản, cơ khí nông nghiệp, khai thác

vật liệu xây dựng, năng lượng tái tạo. Hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Phú Hội; cơ cấu, sắp xếp lại các doanh nghiệp đang hoạt động tại khu công nghiệp này. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, triển khai khu công nghiệp Phú Bình trong năm 2022 để chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế của huyện; quy hoạch phát triển thêm các điểm công nghiệp; tập trung xử lý chất thải rắn, đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải.

- Bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống, các làng nghề. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống có lợi thế về nguyên liệu, như: Ươm tơ, dệt thổ cẩm, đồ gỗ gia dụng,... tạo việc làm cho lao động phổ thông, lao động ở khu vực nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Thực hiện các biện pháp nâng cấp phát triển ngành nông nghiệp, theo hướng: Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tập trung trồng cây dược liệu, cây mắc ca phục vụ cho công nghiệp dược liệu. Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất gắn với chuỗi giá trị thông qua phát triển kinh tế tập thể, nông cốt là hợp tác xã, tổ hợp tác; hình thành hệ thống phân phối hiện đại gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến nông sản; phát triển mạnh các thương hiệu nông sản; rà soát, quy hoạch, phát triển chăn nuôi (*bò sữa, bò thịt, heo, gia cầm,...*) tại các khu tập trung, tách biệt khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường.

2.2. Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm

- Ưu tiên các nguồn lực từ vốn ngân sách nhà nước hàng năm cao hơn so với bình quân trong tỉnh (*bao gồm vốn của huyện Đức Trọng, tỉnh và Trung ương*) đầu tư hoàn thành các danh mục công trình hạ tầng đô thị để đạt tiêu chí đô thị loại IV, III và thị xã; nhất là tiêu chí công viên, cây xanh, chiếu sáng đô thị, thoát nước, giao thông, ưu tiên nâng cấp các tuyến đường đô thị, đường vào khu công nghiệp Phú Bình, cầu và tuyến tránh Quốc lộ 20 phía Nam, Khu du lịch Đại Ninh. Tận dụng tối đa quỹ đất công để phát triển công viên, các công trình phục vụ cộng đồng (*chi tiết theo Phụ lục 3*).

- Thu hút đầu tư, xã hội hóa các công trình đảm bảo tiêu chí về cấp nước sạch, môi trường, công viên nghĩa trang, y tế, giáo dục; xây dựng nhà máy cấp nước sạch, trước mắt là vùng nội thị và các dự án dân cư đô thị mới; nhà máy xử lý rác thải công suất 200 - 300 tấn/ngày; công viên nghĩa trang cho thị xã và vùng phụ cận (*diện tích tối thiểu 50ha*); bệnh viện tư khoảng 1.000 giường bệnh; trường học tư chuẩn quốc tế bao gồm cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Thu hút các dự án khu dân cư đô thị Nam sông Đa Nhim, Liên Khương - Prenn, hồ Nam Sơn để phát triển mở rộng đô thị; triển khai khu dân cư và hành chính (*diện tích 200 ha*); phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại, ngân hàng dọc Quốc lộ 20 trên cơ sở sắp xếp lại quỹ đất cơ quan hành chính. Hoàn thành công tác quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, bố trí quỹ đất cụ thể và lập thủ tục thu hút đầu tư (*chi tiết theo Phụ lục 4*).

3. Hoàn thiện các tiêu chí văn hóa - xã hội

3.1. Phát triển dân số đô thị, chuyển đổi cơ cấu lao động

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khu dân cư đô thị, làm tiền đề thu hút dân cư đến sinh sống và làm việc nhằm đảm bảo tiêu chí về dân cư đô thị và lao động phi nông nghiệp.

- Tiếp tục đầu tư các khu, cụm công nghiệp, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ cho các dự án phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo việc làm và thực hiện chiến lược chuyển dịch cơ cấu lao động sang khu vực phi nông nghiệp, góp phần tăng dân số đô thị để huyện Đức Trọng trở thành thị xã, đô thị loại IV, loại III, loại II theo lộ trình.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đào tạo các ngành nghề phi nông nghiệp, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Chú trọng phát triển các ngành nghề có thế mạnh, như: Chế biến nông sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, thu hút lượng lớn lao động có tay nghề, có trình độ chuyên môn vào làm việc. Chú trọng đào tạo nghề, tư vấn, giải quyết việc làm theo nhu cầu.

3.2. Nâng cao các tiêu chí về chỉ tiêu y tế

- Tăng cường xã hội hoá về y tế, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

- Phát triển hệ thống y tế đồng bộ từ huyện đến cơ sở, trong đó tập trung nâng cao năng lực thu dung, điều trị của Trung tâm Y tế huyện; đầu tư, nâng cấp, nâng cao năng lực Trạm y tế xã, thị trấn để đáp ứng công tác khám chữa bệnh ban đầu, thu dung điều trị khi có dịch bệnh xảy ra và thực hiện khám, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình; đảm bảo đầu tư trang thiết bị hiện đại; tranh thủ nguồn lực đầu tư xây dựng mới Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng; kêu gọi đầu tư phát triển hệ thống các bệnh viện tư chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân trong huyện và khu vực; phát triển nguồn nhân lực y tế, tăng tỷ lệ bác sỹ/vạn dân đạt 8,5 - 9 bác sỹ/vạn dân.

3.3. Đảm bảo các thiết chế về văn hóa

Xây dựng hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đảm bảo các tiêu chí theo quy định, đồng bộ với mục tiêu xây dựng thị xã Đức Trọng và tiêu chí đô thị loại III. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng đô thị văn minh, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; nâng cao chất lượng hoạt động thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao có thế mạnh và đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực này. Gìn giữ, phát huy và khai thác bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

3.4. Xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững

- Tiếp tục thực hiện đề án huyện nông thôn mới trong thời kỳ đô thị hóa theo Quyết định số 676/QĐ-TTg, ngày 18/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ; phấn đấu đến năm 2025, có ít nhất 1 - 2 xã nông thôn mới kiểu mẫu, các xã còn lại đạt nông thôn mới nâng cao.

- Đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, trong đó: Chú trọng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo mối liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp để ổn định đầu ra cho sản phẩm. Tập trung các nguồn lực đầu tư từ Trung ương, tỉnh, huyện và thu hút nguồn xã hội hóa với phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, như: Hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, cơ sở vật chất của ngành giáo dục, y tế, văn hóa,... gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chính sách tín dụng ưu đãi; thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, ổn định đời sống.

4. Hoàn thiện các tiêu chí về bảo vệ môi trường, cây xanh

- Đến năm 2022, tỷ lệ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại đô thị đạt trên 95%; nông thôn đạt trên 90%. Từ năm 2025, tỷ lệ thu gom, vận chuyển rác tại đô thị và tại nông thôn đạt 100%.

- Thực hiện xã hội hóa huy động mọi nguồn lực, các thành phần kinh tế, đầu tư thu gom, vận chuyển rác thải theo mô hình dịch vụ chuyên nghiệp. Đấu thầu thu gom rác theo các tuyến đường, địa bàn; hạn chế tối thiểu nguồn ngân sách nhà nước. Sau năm 2030, công tác thu phí dịch vụ vệ sinh môi trường đảm bảo chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện. Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt; giai đoạn 2 xử lý rác thải y tế và rác thải độc hại của các bệnh viện, khu công nghiệp.

- Đến năm 2025, ít nhất mỗi phường có từ 1 - 2 công viên. Tập trung phát triển cây xanh đường phố; đồng thời, hoàn thành trồng 4,5 triệu cây theo Đề án trồng 50 triệu cây xanh giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh; thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, khôi phục diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm.

- Triển khai đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải các dự án dân cư hiện hữu và các khu đô thị mới (*khu đô thị sinh thái du lịch hồ Nam Sơn; khu đô thị mới Liên Nghĩa; khu đô thị Nam sông Đa Nhím; khu đô thị Liên Khương - Prenn*) và khu trung tâm hành chính (*diện tích 200 ha*) đảm bảo phù hợp quy hoạch chung đô thị Đức Trọng.

- Thực hiện bổ sung quy hoạch sử dụng đất, bổ sung dự án công viên nghĩa trang, nhà hỏa táng nhằm phục vụ tang lễ và đảm bảo môi trường đô thị và tiêu chí đô thị loại III.

5. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển

- Ưu tiên nâng tỷ trọng đầu tư ngân sách tỉnh cho huyện Đức Trọng so với nhiệm kỳ 2016 - 2020 để đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, chiếu sáng, công viên,... Tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương để xây dựng các công trình lớn tại địa phương.

- Mời gọi và lựa chọn nhà đầu tư phát triển đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, điểm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, cấp nước, xử lý rác thải, y tế, trường học liên cấp chất lượng cao, công viên nghĩa trang,...

- Hợp tác công tư triển khai các dự án về giao thông, cấp nước, thoát nước.

- Huy động mọi nguồn lực tài chính nhà nước và nhân dân cùng làm, như: Giao thông nông thôn, công viên, chiếu sáng,...

- Tăng cường nguồn lực đầu tư từ tiền thuê đất, giao đất, đấu giá đất; tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước.

6. Cơ chế chính sách

Xem xét ban hành một số cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển của huyện, gồm: Cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư; sử dụng nguồn thu từ khai thác quỹ đất do huyện làm chủ đầu tư và quỹ nhà, đất do sắp xếp lại các cơ quan hành chính để đầu tư kết cấu hạ tầng (*chi tiết theo Phụ lục 5*).

7. Sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu quản lý thị xã

- Xây dựng đề án chia tách, sáp nhập các xã, thị trấn và lập hồ sơ công nhận một số xã lên phường để đảm bảo số phường đạt trên 50% so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã để đảm bảo tiêu chí thành lập thị xã. Việc chia tách các xã và thành lập phường thực hiện cùng với đề án công nhận thị xã.

- Sắp xếp, bố trí lại tổ chức bộ máy chính quyền cấp xã phù hợp với tính chất quản lý đô thị; trong đó: Thành lập cơ quan chức năng về quản lý đô thị; đơn vị quản lý trật tự xây dựng; thành lập Công ty quản lý công trình đô thị...

- Tập trung đào tạo, thu hút nguồn nhân lực đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng cao. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước trong các lĩnh vực, như: Tài chính, môi trường, xây dựng, quy hoạch, kiến trúc,... Thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, thu hút, bố trí cán bộ hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị loại IV, tiệm cận đô thị loại III và thị xã.

8. củng cố công tác quốc phòng - an ninh; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tiếp tục xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; làm tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phòng ngừa, đấu tranh các loại tội phạm; tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, không để phát sinh “điểm nóng”. Chủ động phát hiện, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Đảm bảo địa bàn an toàn, ổn định, giữ vững môi trường bình yên để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội.

9. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội phát triển. Ưu tiên thực hiện tốt chính sách người có công trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực Nhà nước, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên; quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi; chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, người khuyết tật; quan tâm, hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

10. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Xây dựng Đảng bộ huyện Đức Trọng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ và các tổ chức cơ sở đảng, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ hơn; quyết tâm đẩy lùi sự suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Thực hiện tốt việc sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức gắn với đề án vị trí việc làm và tinh giản biên chế theo lộ trình. củng cố kiện toàn bộ máy tổ chức cấp xã gắn với việc điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn Liên Nghĩa và một số xã để thành lập các phường thuộc thị xã Đức Trọng. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tạo chuyển biến tích cực, đồng bộ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ nhằm răn đe, cảnh tỉnh, lấy phòng ngừa là chính, từ đó từng bước đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tổ chức điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, công tác quản lý đô thị cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, phát triển đô thị.

- Đẩy mạnh đổi mới công tác dân vận, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này và xây dựng cơ chế chính sách tạo đột phá trong phát triển của huyện Đức Trọng.

- Chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên quan tâm, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ, tạo điều kiện, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho huyện Đức Trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Huyện ủy Đức Trọng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết với quyết tâm chính trị cao, bằng các chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Nghị quyết này phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các Vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đức Trọng,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy, XD3.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Trần Đức Quận

PHỤ LỤC 1

Đánh giá bước đầu các tiêu chí đô thị loại III đối với huyện Đức Trọng theo quy định của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016

(Đính kèm Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu đô thị loại III		Hiện trạng		
		Đơn vị tính	Điểm yêu cầu	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
I	Tiêu chí 1. Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển KTXH		15 - 20	16,25	x	
1	Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò	Là trung tâm tổng hợp cấp vùng hoặc cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông.	3,75 - 5	3,75	x	
2	Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội		11,25 - 15	12,5	x	
2.1	Cân đối đủ thu chi ngân sách	Đủ	1,5 - 2	2	x	
2.2	Thu nhập bình quân đầu người/ năm so với cả nước	lần	1,4	2,25	x	
2.3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản	3	3	x	
2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	6,5	1,5	x	
2.5	Tỷ lệ các hộ nghèo	%	≤ 6,5	1,5	x	
2.6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	1,2 - 1,6	2,25	x	
II	Tiêu chí 2. Quy mô dân số		6,0 - 8,0	8,0	x	
1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	100 - 200	1,5 - 2,0	2	x
2	Dân số khu vực nội thị	1.000 người	50 - 100	4,5 - 6	6	x
III	Tiêu chí 3. Mật độ dân số		4,5 - 6,0	4,5		
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/ km ²	1.400 - 1.800	1 - 1,5		x
2	Mật độ dân số khu vực nội thị	Người/ km ²	6.000 - 8.000	3,5 - 4,5	4,5	x
IV	Tiêu chí 4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp		4,5-6,0	6		

STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu đô thị loại III			Hiện trạng		
		Đơn vị tính		Điểm yêu cầu	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	≥ 70	1 - 1,5	1,5		x
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	%	≥ 80	3,5 - 4,5			x
V	Tiêu chí 5. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị			45 - 60	46		
1	Khu vực nội thành, nội thị			36 - 48	34		x
1.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội			7,5 - 10	6,75		x
1.1.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở			1,5 - 2	2	x	
-	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m ² sàn/ người	≥ 29	0,75 - 1	1	x	
-	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	%	≥ 95	0,75 - 1	1	x	
1.1.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng			6 - 8	4,75		
-	Đất dân dụng	m ² / người	≥ 78	0,75 - 1	1	x	
-	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m ² / người	3,0 - ≥ 4	0,75 - 1	1	x	
-	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở.	m ² / người	≥ 1,5	0,75 - 1	1	x	
-	Cơ sở y tế cấp đô thị	Giường/ 1.000 dân	≥ 2,8	0,75 - 1			x
-	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	Cơ sở	≥ 10	0,75 - 1	0,75	x	
-	Công trình văn hóa cấp đô thị	Công trình	≥ 6	0,75 - 1			x
-	Công trình TDTT cấp đô thị	Công trình	≥ 5	0,75 - 1	1	x	
-	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	Công trình	≥ 7	0,75 - 1			x
1.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật			10,5 - 14	10,75		
1.2.1	Các tiêu chuẩn về giao thông			4,5 - 6	3,75		
-	Đầu mối giao thông	Cấp	Vùng tỉnh – vùng liên tỉnh	1,5 - 2	2	x	
-	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	≥ 19	0,75 - 1			x

STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu đô thị loại III		Hiện trạng			
		Đơn vị tính		Điểm yêu cầu	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
-	Mật độ đường giao thông (đường có chiều rộng $\geq 7,5\text{m}$)	Km/Km ²	≥ 10	0,75 - 1			x
-	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² / người	≥ 11	0,75 - 1	0,75	x	
-	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 10	0,75 - 1	1	x	
1.2.2	Cấp điện và chiếu sáng công cộng			2,25 - 3	2,75	x	
-	Cấp điện sinh hoạt	kWh/ người/ năm	≥ 700	0,75 - 1	1	x	
-	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 100	0,75 - 1	1	x	
-	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%	55 - ≥ 80	0,75 - 1	0,75		x
1.2.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước			2,25-3	2,25		
-	Cấp nước sinh hoạt	Lít/ người/ ngày đêm	≥ 125	0,75 - 1	0,75	x	
-	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	95 - 100	1,5 - 2	1,5	x	
1.2.4	Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông			1,5 - 2	2		
-	Số thuê bao internet	Số thuê bao internet/ 100 dân	≥ 25	0,75 - 1	1	x	
-	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số	%	≥ 95	0,75 - 1	1	x	
1.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường			10,5 - 14	10		x
1.3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng			2,25 - 3	2,25	x	
-	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/ Km ²	≥ 4	1,5 - 2	1,5	x	
-	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	%	Có giải pháp- Đang triển khai thực hiện	0,75 - 1			x
1.3.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải			3,75 - 5	3,75		

STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu đô thị loại III			Hiện trạng		
		Đơn vị tính		Điểm yêu cầu	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
-	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	≥ 85	0,75 - 1	1	x	
-	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 30	0,75 - 1			x
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	0,75 - 1	0,75	x	
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải	%	≥ 80	0,75 - 1	1	x	
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	90-100	0,75 - 1	1	x	
1.3.3	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ			1,5 - 2,0			x
-	Nhà tang lễ	Cơ sở	1 - 2	0,75 - 1			x
-	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥ 15	0,75 - 1			x
1.3.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị			3 - 4	4		
-	Đất cây xanh toàn đô thị	m ² / người	≥ 10	1,5 - 2	2	x	
-	Đất cây xanh công cộng	m ² / người	≥ 5	1,5 - 2	2	x	
1.4	Nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị			7,5 - 10	6,5		x
1.4.1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã có quy chế – đã có quy chế được ban hành tối thiểu 2 năm, thực hiện tốt	1,5 - 2	1,5	x	
1.4.2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	%	≥ 50	1,5 - 2			x
1.4.3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị	Dự án	≥ 2	1,5 - 2	2	x	
1.4.4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	≥ 5	1,5 - 2	1,5		

STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu đô thị loại III		Hiện trạng		
		Đơn vị tính		Điểm yêu cầu	Điểm hiện trạng	Đạt Chưa đạt
1.4.5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Cấp	Có công trình cấp tỉnh – có công trình cấp quốc gia	1,5 - 2	1,5	x
2	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị			9 - 12	12	x
2.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội			3 - 4	4	x
2.1.1	Trường học	%	≥ 40	0,75 - 1	1	x
2.1.2	Cơ sở vật chất văn hóa	%	≥ 35	0,75 - 1	1	x
2.1.3	Chợ nông thôn	%	≥ 60	0,75 - 1	1	x
2.1.4	Nhà ở dân cư	%	≥ 60	0,75 - 1	1	x
2.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật			3 - 4	4	x
2.2.1	Giao thông	%	≥ 40	2,25 - 3	3	x
2.2.2	Điện	%	≥ 80	0,75 - 1	1	x
2.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường			1,5 - 2	2	x
-	Môi trường	%	≥ 40	1,5 - 2	2	x
2.4	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan			1,5 - 2	2	x
-	Quỹ đất nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ	(%)	> 70	1,5 - 2	2	x
Tổng điểm					80,75/100	

PHỤ LỤC 2

Lộ trình các bước xây dựng thị xã

(Đính kèm Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Đánh giá các tiêu chí đô thị loại IV	Quý III/2021	
2	Đầu tư các tiêu chí còn thiếu so với đô thị loại IV	2021-2025	
3	Phê duyệt quy hoạch chung huyện Đức Trọng	Quý IV/2021	
4	Lập hồ sơ công nhận đô thị loại IV	Quý I/2023	
5	Xây dựng Đề án tách nhập các xã và công nhận các xã thành phường).	Quý I/2024	Thực hiện cùng với Đề án công nhận thị xã
6	Xây dựng Đề án thành lập thị xã	Quý I/2024	
7	Hoàn chỉnh Đề án trình trình cấp phê duyệt	Quý IV/2024	

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC
(Đính kèm Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Hạng mục xây dựng	ĐVT	Số lượng	Vốn ước tính (tỷ đồng)
I	Tiêu chí cây xanh, công viên			
1	Đang triển khai năm 2021	ha	3,08	14,20
-	Công viên xã Phú Hội	ha	1,2	4,5
-	Công viên xã Ninh Gia	ha	0,54	2,5
-	Công viên xã Tân Hội	ha	0,4	2
-	Công viên thôn Bắc Hội, xã Hiệp Thạnh	ha	0,4	2
-	Công viên cây xanh xã Hiệp Thạnh	ha	0,54	3,21
2	Trong giai đoạn năm 2021 – 2025	ha	8,63	52
-	Công viên cây xanh, khu vui chơi thiếu nhi Trung tâm xã Đà Loan.	ha	0,5	2,5
-	Công viên thôn Bắc Hội, xã Hiệp Thạnh (giai đoạn 2)	ha	0,7	4,5
-	Công viên cây xanh, khu vui chơi thiếu nhi xã Tân Thành	ha	0,3	2
-	Công viên cây xanh trung tâm Hành chính – Quảng trường	ha	7,13	43
II	Giao thông trong giai đoạn 2021-2025 mặt đường xe chạy $\geq 7,5\text{m}$	km	20km	500
-	Các tuyến đường thuộc quy trung tâm hành chính quảng trường huyện	km	5,3km	132,5
-	Đầu tư các tuyến đường chính khu vực, đường liên khu vực và đường khu vực thuộc quy hoạch chi tiết đô thị Nam Sông Đa Nhim	km	9km	225
-	Nâng cấp các tuyến đường thuộc quy hoạch chung xây dựng đô thị F1 nông – Thanh Mỹ, nâng cấp các tuyến đường Quốc lộ 27, ĐT 729, đường vào khu Công nghiệp Phú Bình...	km	5,7km	142,5
-	Thoát nước từ Vòng xoay Liên Khương đến hồ Nam Sơn	km	10	200

STT	Hạng mục xây dựng	ĐVT	Số lượng	Vốn ước tính (tỷ đồng)
-	Về thoát nước hạ lưu cánh đồng Liên Nghĩa – Phú Hội: kiên cố hóa hệ thống thoát nước.	km	5	145
-	Kiên cố hóa và kéo dài kênh tiêu cánh đồng Nghĩa Hiệp	km	8	80
-	Kết nối hệ thống thoát nước khu vực 200ha và khu vực Tây Nam Sơn.	km	8	80
-	Nạo vét kiên cố hóa suối Đa Tam	km	8	120
-	Đầu tư nâng cấp hệ thống thoát nước dọc qua trung tâm các xã	km	20	85
-	Quốc lộ 20 đoạn từ Ninh Gia đến giáp huyện Di Linh	km	8	40
-	Xây dựng vỉa hè, thoát nước, điện chiếu sáng Quốc lộ 27 đoạn từ trường THCS An Hiệp, xã Liên Hiệp đến giáp huyện Lâm Hà.	km	12	40
-	Quốc lộ 27 đoạn từ trường THCS An Hiệp xã Liên Hiệp đến giáp huyện Đơn Dương	km	8,5	34
-	Đường ĐH.1 (Liên Nghĩa – N’Thol Hạ - Tân Hội)	km	14,6	60
-	Các tuyến đường khu vực Lô Thanh Thanh, Lô 90	km	16	64
-	Các đường khu vực 1,2 Tây Nam Sơn	km	11	44
-	Các tuyến đường khu Trung tâm hành chính – Quảng trường huyện (khu 200ha)	km	21	75

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Đính kèm Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích (ha)	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
1	Nhà máy xử lý rác thải	Thôn Tân Bình, xã Tân Thành	9,5	Công suất 200-300 tấn/ngày	80.000
2	Công viên nghĩa trang sinh thái	Đồi Monkrit, thị trấn Liên Nghĩa - xã Tân Hội – N’Thol Hạ	50	Xây dựng nghĩa trang theo hướng công viên sinh thái	80.000
3	Bệnh viện chất lượng cao	Lô số 21, khu quy hoạch Trung tâm hành chính - Quảng trường huyện	11,5	1.000 giường bệnh	1.500.000
4	Trường học chất lượng cao chuẩn quốc tế	Lô số 22, khu quy hoạch Trung tâm hành chính - Quảng trường huyện	5,11	Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc tế cấp 1, 2, 3	200.000
5	Nhà máy cung cấp nước sạch	Hồ Ta Hoét, xã Hiệp An	5	Cung cấp nước sạch sinh hoạt và sản xuất cho các xã như: Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp, một phần thị trấn Liên Nghĩa và khu quy hoạch Nam sông Đa Nhim	150.000
6	Trung tâm thương mại dọc Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Liên Nghĩa	Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa và các xã dọc Quốc lộ 20	2	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ, bao gồm: cửa hàng bán buôn, bán lẻ hàng hóa; trưng bày giới thiệu hàng hoá; ăn uống, vui chơi giải trí, cho thuê văn phòng làm việc,... đáp ứng nhu cầu mua sắm, giải trí, ăn uống của khách hàng	500.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích (ha)	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
7	Bến xe nội, ngoại tỉnh và bến xe liên tỉnh	Khu quy hoạch Trung tâm hành chính - Quảng trường huyện và quy hoạch bến xe Liên tỉnh tại chân đèo Pren xã Hiệp An	39	Đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và du khách	500.000
8	Khu đô thị mới phía Bắc dự án Nam sông Đa Nhim	Xây dựng khu đô thị mới, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.	130	Xây dựng khu đô thị mới, phát triển nhà ở đáp ứng nhu cầu xã hội	2.508.000
9	Khu đô thị mới dự án Nam sông Đa Nhim (Khu 1)	Xây dựng khu đô thị mới, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.	153	Xây dựng khu đô thị mới, phát triển nhà ở đáp ứng nhu cầu xã hội	3.273.000
10	Khu đô thị mới phía Nam dự án Nam sông Đa Nhim (Khu 2)	Xây dựng khu đô thị mới, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.	220	Xây dựng khu đô thị mới, phát triển nhà ở đáp ứng nhu cầu xã hội	4.245.000
11	Khu đô thị phía nam dự án Nam sông Đa Nhim (Khu 3)	Phía Nam dự án Nam sông Đa Nhim	42	Xây dựng khu đô thị mới, phát triển nhà ở đáp ứng nhu cầu xã hội	593.000
12	Khu đô thị Liên Khương - Prenn	Các xã: Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp; TT Liên Nghĩa	2.970	Xây dựng khu đô thị mới, phát triển nhà ở đáp ứng nhu cầu xã hội	141.144.000
13	Khu đô thị sinh thái du lịch hồ Nam Sơn	Hồ Nam Sơn, thị trấn Liên Nghĩa	60	Tôn tạo cảnh quan du lịch, thủy lợi và xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, đô thị	500.000
Tổng cộng			3.697.11		155.273.000

PHỤ LỤC 5
CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ ĐẤT TẠO VỐN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
(Đính kèm Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tên đề án	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Dự kiến giá cho thuê 50 năm	Thành tiền
1	Đất trụ sở Huyện ủy, UBND huyện	Km 270 Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa	15.186,6	50.159.200	761.747.706.720
2	Đất trụ sở Huyện đoàn	Km 270 Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa	1.266,0	50.159.200	63.501.547.200
3	Đất trụ sở Trung tâm Nông Nghiệp huyện,	Đường Phạm Hồng Thái, thị trấn Liên Nghĩa	3.050,5	12.300.000	37.521.150.000
4	Đất trụ sở Thanh Tra huyện	Đường Lê Hồng Phong, thị trấn Liên Nghĩa	1.814,6	26.584.800	48.240.778.080
5	Đất trụ sở Nhà tiếp dân huyện	Đường Lê Hồng Phong, thị trấn Liên Nghĩa	496,4	26.584.800	13.196.694.720
6	Đất trụ sở UBMTTQVN và các đoàn thể huyện	Đường Lê Hồng Phong, thị trấn Liên Nghĩa	1.747,4	26.584.800	46.454.279.520
7	Đất trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch	Đường Lê Hồng Phong, thị trấn Liên Nghĩa	1.720,0	21.840.000	37.564.800.000

STT	Tên đề án	Địa chỉ	Diện tích	Dự kiến giá cho thuê 50 năm	Thành tiền
8	Đất trụ sở Tòa án nhân dân huyện	Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa	4.657,8	37.439.200	174.384.305.760
9	Đất trụ sở Công an huyện	Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa	6.416,70	37.439.200	240.236.114.640
10	Đất trụ sở Viện Kiểm sát Nhân dân huyện	Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa	2.929,70	37.439.200	109.685.624.240
11	Đất trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện	Đường Lê Hồng Phong, thị trấn Liên Nghĩa	527,4	26.584.800	14.020.823.520
12	Đất trụ sở Thị hành án huyện	Đường Lê Hồng Phong, thị trấn Liên Nghĩa	1.311,50	26.584.800	34.865.965.200
Tổng cộng			41.124,6		1.581.419.789.600